

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày 11/10/2019

V/v: "Tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kiểm

2. Ông Nguyễn Quốc Sửu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/9/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2019;

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn T, xã C, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Bị đơn: anh Nguyễn Khắc Đ, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Đ, xã S, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Khắc Đ ngày 22/11/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S. Sau khi kết hôn, chị về chung sống cùng anh Đ. Khoảng 01 năm đầu tiên, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị về nhà mẹ đẻ ở xã Cao Thượng từ năm 2014, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, hai bên không

quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: chị và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Khắc D, sinh ngày 13/12/2014, hiện nay cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Đối với anh Nguyễn Khắc Đ là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo cho anh Đ về các chứng cứ Tòa án đã thu thập có trong vụ án nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ thể hiện ý kiến của anh đối với các yêu cầu của chị P.

Tại phiên tòa: anh Đ vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị P yêu cầu ly hôn anh Đ có địa chỉ tại thôn Đông Lai, xã Song Vân, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: anh Nguyễn Khắc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Đ là đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị P với anh Đ:

Chị P và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S năm 2013 nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị P và tham khảo ý kiến của gia đình, địa phương nơi vợ chồng chị chung sống, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Chị P về chung sống với anh Đ được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống. Chị

P về nhà để sinh sống từ năm 2014 đến nay không quay lại nhà anh Đ chung sống, trong thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh Đ đã được Toà án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng anh không tham gia hoà giải, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị P, chứng tỏ anh Đ cũng không tha thiết Đ tụ với chị P nữa. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh Đ.

[4] Về con chung: chị P xác định có 01 con chung là Nguyễn Khắc D, sinh ngày 13/12/2014. Hiện nay cháu đang ở với chị P. khi ly hôn chị xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu D được chị P trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, hiện tại sức khỏe, sinh hoạt, học tập vẫn bình thường. Chị P làm công nhân có thu nhập trung bình 7.000.000đồng/tháng, công việc ổn định, có thời gian chăm sóc con. Anh Đ không có ý kiến yêu cầu gì về yêu cầu nuôi con của chị P. Để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu D, HĐXX tiếp tục giao cháu D cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị P không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Khắc Đ.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Khắc D, sinh ngày 13/12/2014 cho chị Nguyễn Thị P tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Khắc Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền và nghĩa vụ này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0005874 ngày 24/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị P đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
XỬ**

Phạm Thế Đăng

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

TỈNH BẮC GIANG

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 3 năm 2019.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thiện

Ông Giáp Hồng Thanh

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu Hà, sinh năm 1988 (có mặt)*

Địa chỉ: thôn Trại Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Vũ Văn Khoan, sinh năm 1984 (... mặt)*

Địa chỉ: thôn Trại Tón, xã Việt Ngọc, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu Hà được ly hôn anh Vũ Văn Khoan.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về con chung: chị Hà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Hà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Án phí: chị Nguyễn Thị Thu Hà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002292 ngày 02/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Thu Hà đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3
Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 3 năm 2019.
Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét
xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Đăng